TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 12/2018/QĐST-DS	*Phổ Yên, ngày 9 tháng 10 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 147, Điều 212và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự ;

Căn cứ Điều 463, 466, 468, Điều 688 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 01tháng 10 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 15/2016/TLST-DS ngày 25 tháng 04 năm 2016.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: 1, chị Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm 1982

TQ: TDP Đ, phường B, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên.

2, Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1984

TQ: TDP G, phường Đ, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên

3, Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1988

TQ: TDP D, phường B, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên

Bị đơn: bà Đỗ Thị H, sinh năm 1962

TQ: TDP D, phường B, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Chị Nguyễn Thị Hải Y, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Tuấn A, bà Đỗ Thị H xác định:thửa đất số 300, tờ bản đồ 13 (116), diện tích 1.503m^2 tại tổ dân phố D, phường B, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên, có giấy CNQSD đất số BU 843474 do UBND huyện Phổ Yên cấp ngày 22/12/2014 tên Đỗ Thị H là di sản thừa kế.

2.2. Chị Nguyễn Thị Hải Y, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Tuấn A, bà Đỗ Thị H nhất trí thỏa thuận: Giao chị Y, chị H, anh Tuấn A được sử dụng thửa đất số 300, tờ bản đồ 13 (116), diện tích 1.503m^2 tại tổ dân phố D, phường B, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên.

- Chị Nguyễn Thị Hải Y, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Tuấn A nhất trí thỏa thuận trả bà Đỗ Thị H số tiền 180.000.000 (một trăm tám mươi triệu).

2.3. Chị Nguyễn Thị Hải Y, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Tuấn A thống nhất chia đất là tài sản thừa kế để sử dụng như sau:

- Thống nhất phần đường đi là lối đi chung vào đất của chị Nguyễn Thị Hải Y, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Tuấn A có diện tích 104m^2, vị trí như sau:

Phía bắc: giáp thửa 1412 có số đo 9,9m; 9,3m; giáp thửa 300 có số đo 16,5m

Phía nam: giáp thửa 300c có số đo 12m, thửa 300b có số đo 13,6m; thửa 300 có số đo 2,6m và 16,5m

Phía đông: giáp thửa 300 có số đo 2,6m

Phía tây: giáp đường đi có số đo 3,6m

- Anh Nguyễn Tuấn Ađược sử dụng: 599m^2 đất thửa 300a; trong đó có đất thổ cư 100m^2,đất trồng cây lâu năm 499m^2, vị trí như sau:

Phía bắc: giáp thửa 208 có số đo 8,9m; thửa 1412 có số đo 11,1m và 8,4m

Phía nam: giáp thửa 380 có số đo 19,4m

Phía đông: giáp thửa 1413 có số đo 38,1m

Phía tây: giáp thửa 300b (chia cho chị H) có số đo 28.4m

- Chị Nguyễn ThịHđược sử dụng: 400m^{2}tại thửa 300b; trong đó có 150m2 đất thổ cư; đất trồng cây lâu năm 250m^2

Phía bắc: giáp lối đi chung có số đo 13,6m

Phía nam: giáp thửa 380 có số đo 9,4m

Phía đông: giáp thửa 300c có số đo 31.3m

Phía tây: giáp thửa 300 (chia cho anh Tuấn A) có số đo 28.4m

- Chị Nguyễn Thị Hải Yđược sử dụng: 400m^2 tại thửa 300b; trong đó có đất thổ cư 150m^2; đất trồng cây lâu năm 250m^2, vị trí như sau:

Phía bắc: giáp lối đi chung có số đo 12m

Phía nam: giáp thửa 381 có số đo 3,5m; 10,8m

Phía đông: giáp thửa 300b có số đo 32.7m

Phía tây: giáp thửa 301 có số đo 28.4m

(Vị trí đất có trích lục phân chia đất kèm theo)

4. Về giá trị tài sản:

- Tài sản anh Nguyễn Tuấn A sử dụng: 599m^2 đất tại thửa 300, tờ bản đồ 13 (116). Trong đó có đất thổ cư (100m^2 x 420.000đ) trị giá 42.000.000đ; đất trồngcây lâu năm (499m^2x 210.000đ) trị giá 104.790.000đ. Cộng 146.790.000đ.

- Tài sản chị Nguyễn Thị Hải Y sử dụng: 400m^2 tại thửa 300b. Trong đó có đất thổ cư (150m^2x 420.000đ) trị giá 63.000.000đ; đất trồng cây lâu năm (250m^2 x 210.000đ) trị giá 52.500.000đ.Cộng: 115.500.000đ

- Tài sản chị Nguyễn Thị H sử dụng: 400m^2 tại thửa 300b. Trong đó có đất thổ cư (150m^2 x 420.000đ) trị giá 63.000.000đ; đất trồng cây lâu năm (250m^2 x 210.000đ) trị giá 52.500.000đ .Cộng: 115.500.000đ

- Phần đường đi là lối đi chung vào đất của chị Nguyễn Thị Hải Y, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Tuấn A có diện tích 104m^2 (104m^2 x 210.000đ), trị giá 21.840.000đ.

- Tài sản bà Đỗ Thị H sở hữu, sử dụng: 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng) do chị Nguyễn Thị Hải Y, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Tuấn A trả.

- Chị Nguyễn Thị Hải Y, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Tuấn A, bà Đỗ Thị H không yêu cầu giải quyết về tài sản trên đất.

5. Về thời hạn thực hiện nghĩa vụ và biện pháp bảo đảm: có giá trị kể từ thời điểm lập biên bản hòa giải thành. Các bên cam kết thực hiện theo đúng như nội dung đã thỏa thuận.

Thời hạn giao nhận tiền: ngày 01/10/2018 (các bên đã thanh toán xong)

6. Chị Nguyễn Thị Hải Y, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Tuấn A có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy CNQSD đất đối với diện tích đất như đã thỏa thuận chia.

3. Về án phí: các đương sự thỏa thuận chịu án phí đối với trị giá tài sản được sử dụng, cụ thể:

- Chị Nguyễn Thị Hải Y phải chịu2.887.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vàosố tiền 2.500.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên. Biên lai thu số 0009204 ngày 25/04/2016, chị Y còn phải nộp 387.000đ án phí.

- Chị Nguyễn Thị H phải chịu 2.887.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 2.500.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên. Biên lai thu số 0009203 ngày 25/04/2016, chị H còn phải nộp 387.000đ án phí.

- Anh Nguyễn Tuấn A phải chịu 3.669.000đ án phí về đất được chia và 546.000đ án phí về đất lối đi chung. Cộng 4. 215.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 2.500.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên. Biên lai thu số 0009205 ngày 25/04/2016, anh Tuấn A còn phải nộp 1.715.000đ

- Bà Đỗ Thị H phải chịu 4.500.000đ án phí DSST

4.Quyết định này có hiệu lực Pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS thị xã Phổ Yên;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Mạc Thị Hồng